TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2018/QĐST-HNGĐ	*Cm, ngày 02 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Hà Hữu D**, Sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn NT, xã HM, huyện Cm, tỉnh Bắc Kạn;

- Bị đơn: Bà **Mã Thị N**, Sinh năm 1981;

Nơi Đăng ký HKTT: Thôn NT, xã HM, huyện Cm, tỉnh Bắc Kạn;

Chỗ ở hiện nay: Thôn NG, xã NT, huyện Cm, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hà Hữu D và bà Mã Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Hà Hữu D và bị đơn bà Mã Thị N thuận tình ly hôn.

*Về con chung: Giao con chung là Hà Thị U, sinh ngày 25/9/2006 cho ông Hà Hữu D trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con chung Hà Thị U đủ 18 tuổi (*Phù hợp với nguyện vọng của con chung Hà Thị U*). Về cấp dưỡng

nuôi con chung: Ông Hà Hữu D không yêu cầu Tòa án xem xét cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí: Ông Hà Hữu D tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số: 07679, ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cm, tỉnh Bắc Kạn. Ông Hà Hữu D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự."

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND huyện Cm (02b);
- Chi cục THADS huyện Cm (01b);
- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- UBND xã HM (01b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu: VP.

THẨM PHÁN

Lường Thị Phẩm